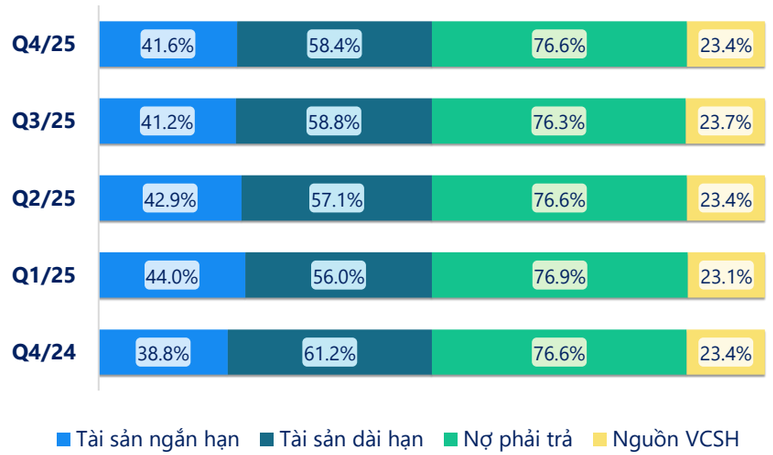
FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	19,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	752,545
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,953
P/E	176.1
EPS	111

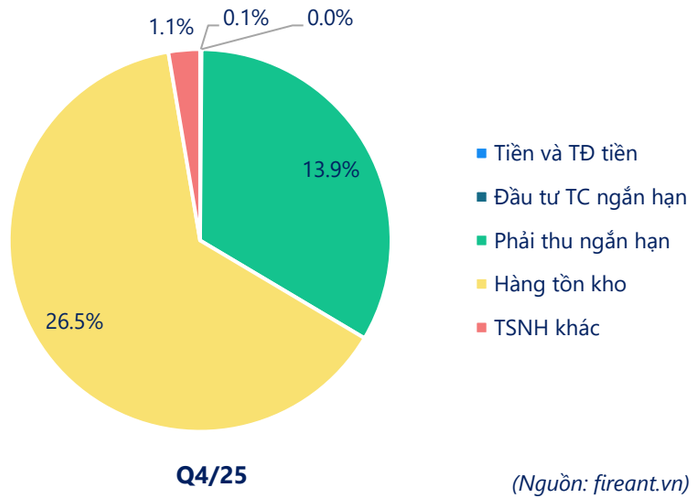
	YTD	1T	3T	6T
NBB	-12.6%	-6.3%	-8.0%	-11.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



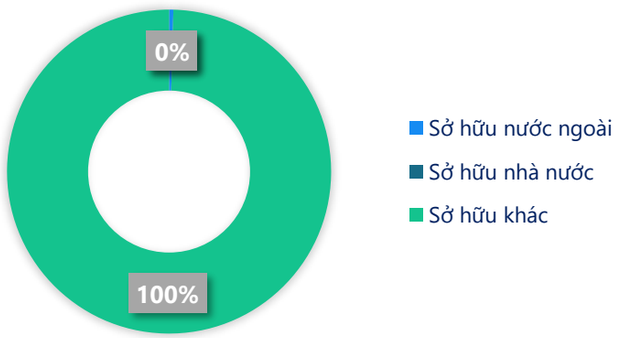
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



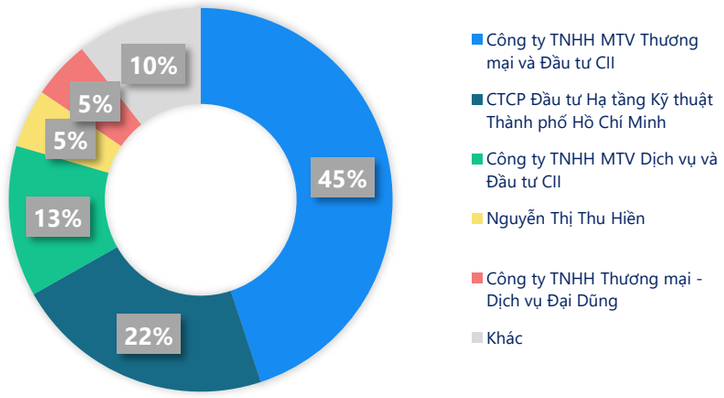
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



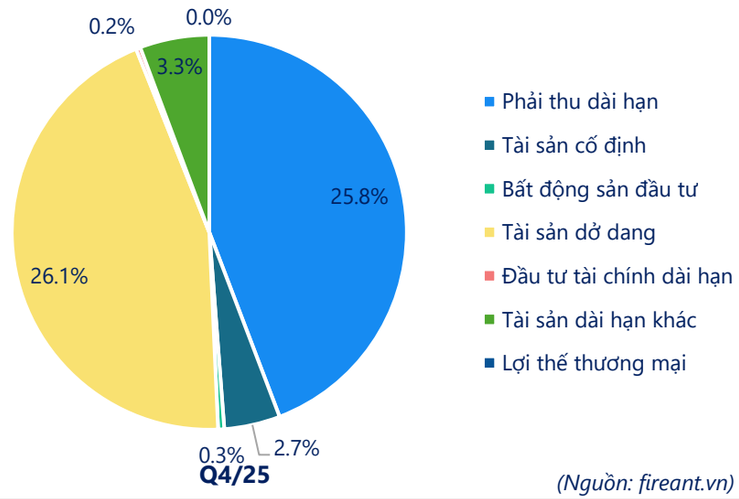
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

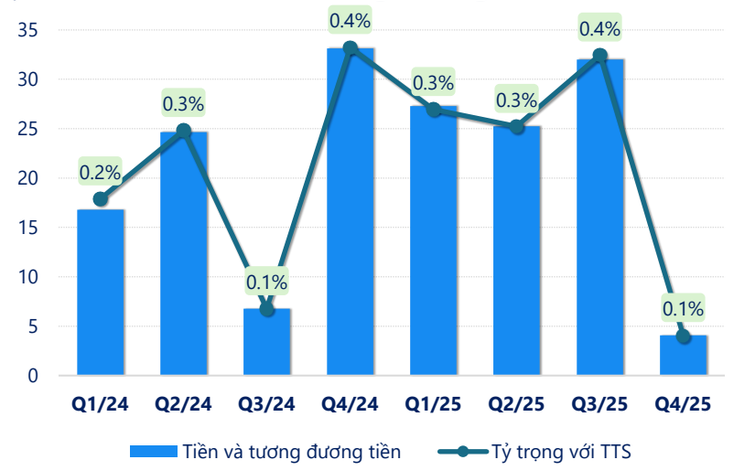


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

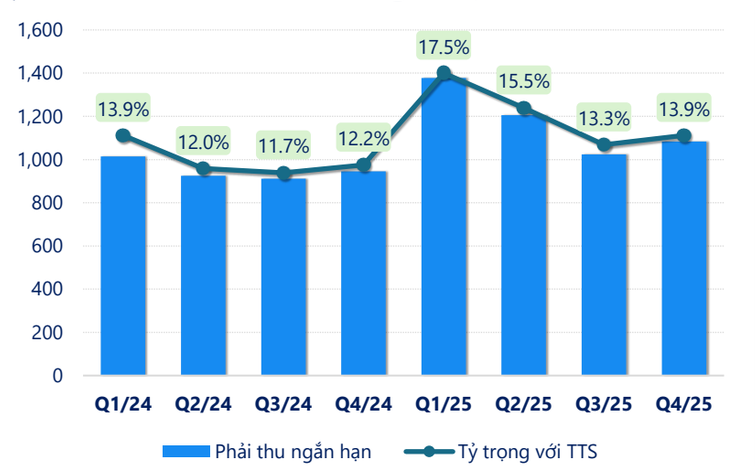
CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Tiền và tương đương tiền



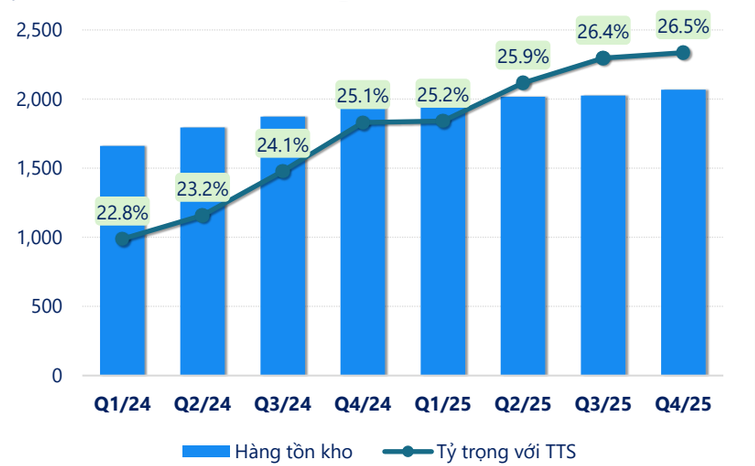
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



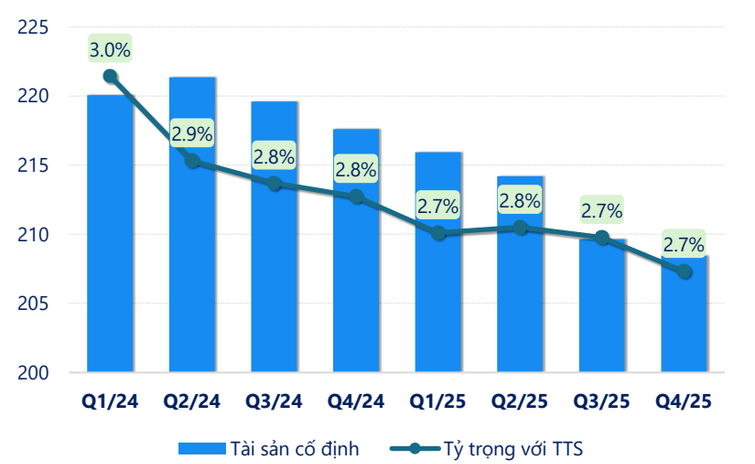
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



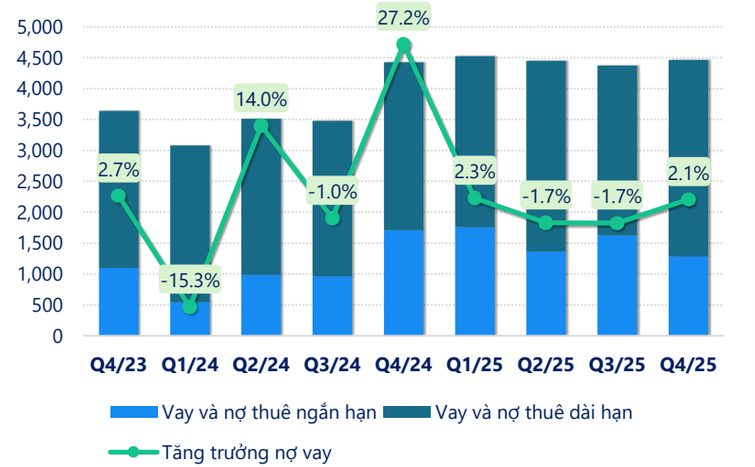
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



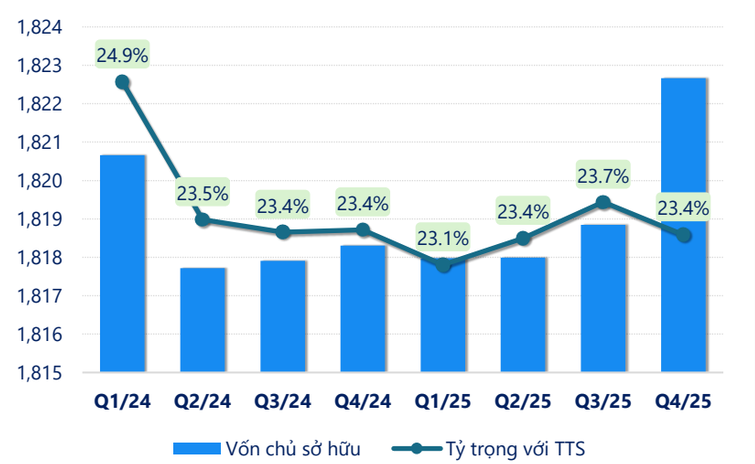
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

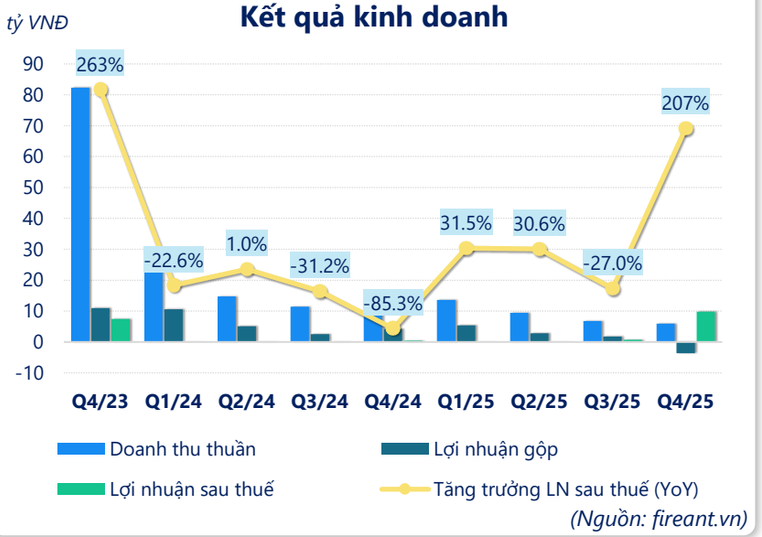


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

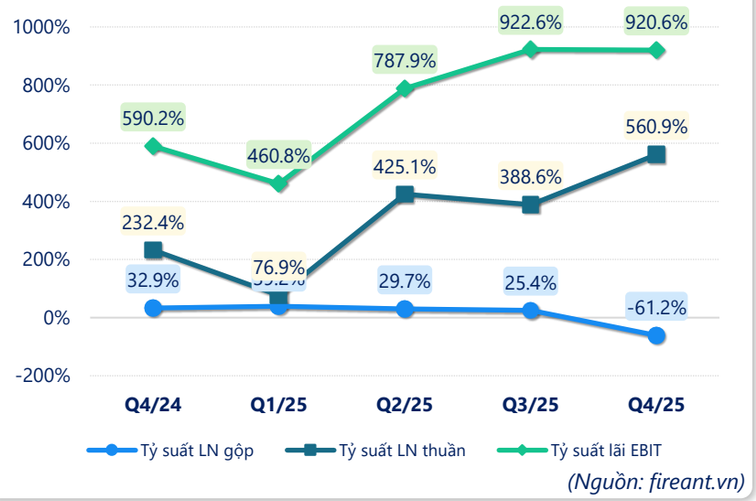
CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Kết quả kinh doanh



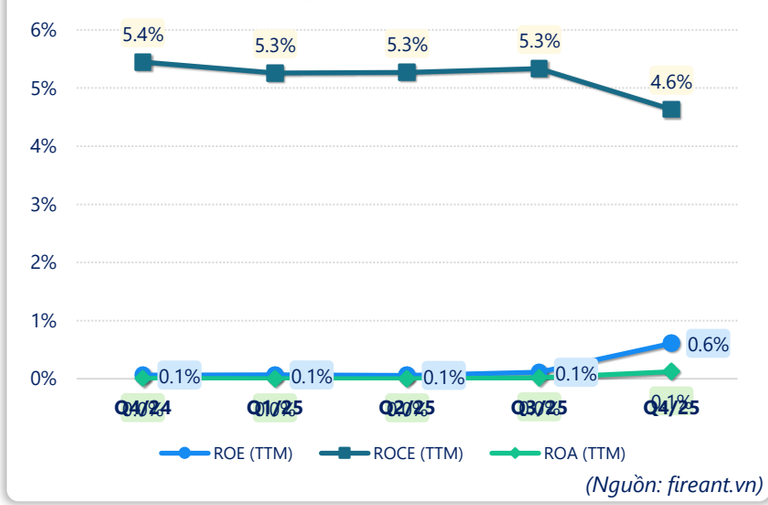
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



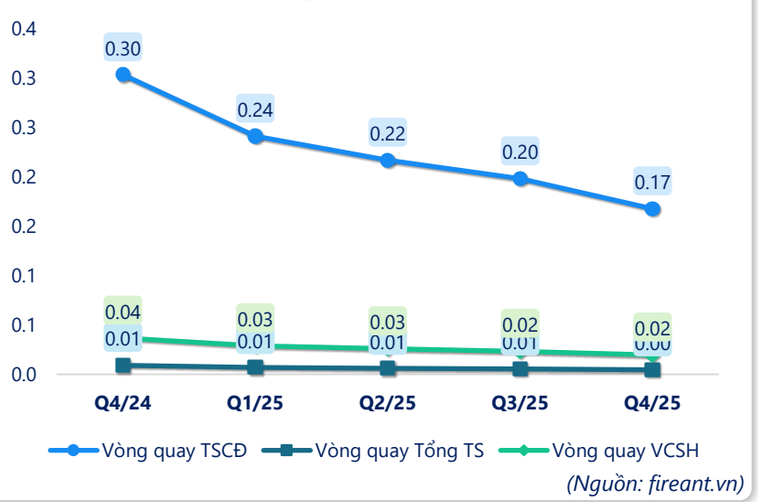
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



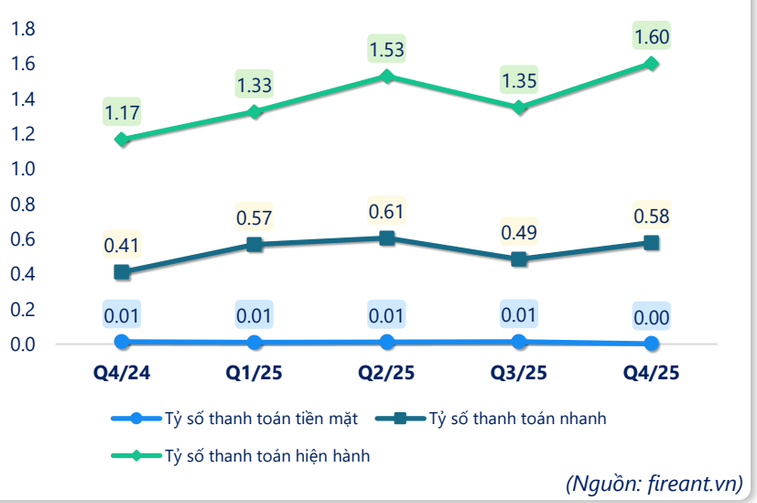
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



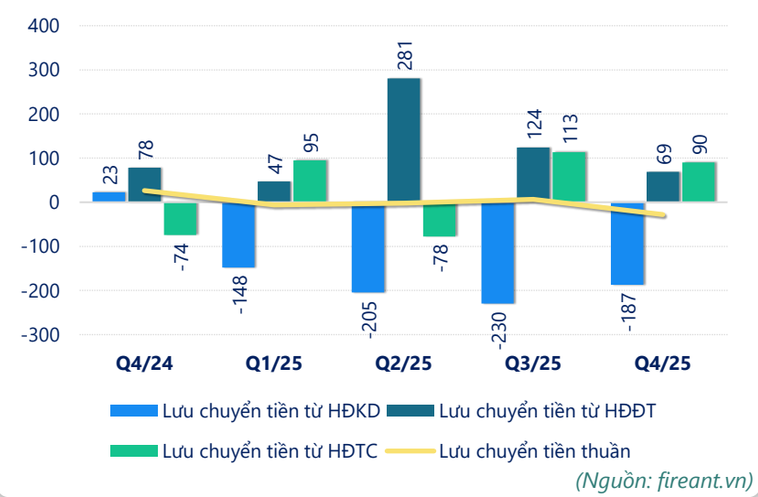
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,791**	**7,754**	**0.5%**
Tài sản ngắn hạn	3,241	3,390	-4.4%
Tiền và tương đương tiền	4.07	33.1	-87.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	9.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,083	1,345	-19.5%
Hàng tồn kho	2,068	1,932	7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	86.3	70.7	22.0%
Tài sản dài hạn	**4,550**	**4,364**	**4.3%**
Phải thu dài hạn	2,011	2,008	0.2%
Tài sản cố định	208	218	-4.2%
Bất động sản đầu tư	22.7	24.0	-5.4%
Tài sản dở dang	2,032	1,796	13.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.2	36.6	-55.8%
Tài sản dài hạn khác	**259**	**248**	**4.5%**
Lợi thế thương mại	0	34.0	-100%
Nợ phải trả	5,968	5,936	0.5%
Nợ ngắn hạn	**2,022**	**2,572**	**-21.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,286	1,718	-25.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.7	96.0	-60.8%
Nợ dài hạn	3,947	3,363	17.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,176	2,714	17.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,823**	**1,818**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,823**	**1,818**	**0.3%**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	12.7	13.6	9.42	6.74	5.91
Giá vốn hàng bán	8.53	8.28	6.62	5.03	9.53
Lợi nhuận gộp	4.18	5.35	2.80	1.71	-3.62
Doanh thu HĐTC	94.9	71.4	115	92.8	79.6
Chi phí TC	65.7	62.4	70.7	65.7	40.4
Chi phí lãi vay	65.5	61.7	68.9	64.7	33.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.19	0.61	0.01	0.00	0.00
Chi phí QLDN	3.64	3.25	7.08	2.56	2.48
LN thuần từ HĐKD	29.5	10.5	40.1	26.2	33.2
Lợi nhuận khác	-20.0	-9.42	-34.7	-28.7	-11.9
LN trước thuế	9.50	1.06	5.34	-2.52	21.3
Lợi nhuận sau thuế	0.40	0.05	0.05	0.70	9.81
LNST của CĐ cty mẹ	0.37	0.12	0.11	1.43	9.42

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.6	-148	-205	-230	-187
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	78.1	47.0	281	124	68.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-74.3	95.0	-78.0	113	90.3
Tiền đầu kỳ	6.76	33.1	27.3	25.3	32.0
Lưu chuyển tiền thuần	**26.4**	**-5.85**	**-2.03**	**6.75**	**-27.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.1	27.3	25.3	32.0	4.07

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic